

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC GIANG                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 16/6/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiểm; ông Đào Xuân Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-DS ngày 29/01/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự.

\* Nguyên đơn: Bà Ta Thị Ng, sinh năm 1948 (có mặt).

\* Bị đơn: ANh Giáp Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã Song V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt)

- Ông Lưu Tú Tr, sinh năm 1949 (có mặt)

Đều cư trú: thôn B, xã Song V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Bà  
Ta Thị Ng trình bày:

Bà với ANh Giáp Văn H ở cùng thôn, ngày 23/3/2016 bà có cho anh H vay số tiền 32.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền viết trong quyển sổ nhỏ, đề ngày 23/3/2016, phần nội dung “cháu Hải còn nợ bà Ng Chử số tiền là 32.000.000 đồng” do chính tay anh H là người viết, tại nhà anh H, mục đích vay là để làm ăn kinh tế, các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 0,8%/tháng nhưng không ghi vào trong giấy vay. Tại thời điểm năm 2016 thì vợ chồng anh H đang ở cùng nhau nhưng chị Đ thường vắng nhà nên mọi giao dịch chỉ có một mình anh H viết giấy vay trong sổ của bà và nhận tiền còn chị Đ không viết giấy và không nhận tiền. Sau khi vay tiền, đến ngày 24/12/2016 anh H có trả bà 2.340.000 đồng vào tiền lãi, từ sau đó đến nay anh H không trả lần nào tiền lãi nữa. Bà đã đòi nhiều lần nhưng anh H khất nợ. Đến nay bà yêu cầu ANh Giáp Văn H có trách nhiệm trả bà số tiền gốc là 32.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Tại phiên tòa bà Ng có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2021, bị đơn là ANh Giáp Văn H trình bày như sau: Ngày 23/3/2016 anh có vay của bà Ng số tiền 32.000.000 đồng, anh thừa nhận phần nội dung “cháu Hải còn nợ bà Ng Chữ số tiền là 32.000.000 đồng” do chính tay anh là người viết, mục đích vay là để cho chị Đ sử dụng, khi vay tiền thì chị Đ không có mặt, không viết vào giấy vay tiền. Tại quyết định thuận tình ly hôn số 86/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã giải quyết cho anh Giáp Văn Hai và Chị Vũ Thị Đ được ly hôn. Nên nay anh xác định trách nhiệm trả nợ là một mình anh. Anh thừa nhận có vay của bà Ng số tiền 32.000.000 đồng và đồng ý trả bà Ng số tiền 32.000.000 đồng, nhưng hiện nay anh không có tiền nên anh xin trả nợ dần.

*- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chị Vũ Thị Đ trình bày:*

Vào thời điểm vào năm 2016 vợ chồng chị đang sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, trong thời gian này chị thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên giữa chị và anh H độc lập về kinh tế gia đình từ đó đến khi ly hôn. Do đó anh H có vay tiền của bà Ng hay không, mục đích vay để làm gì chị không biết, anh H không nói gì với chị về khoản vay này cho đến khi bà Ng có đơn khởi kiện anh H và chị thì chị mới biết. Chị xác định phần nội dung chữ viết: “cháu Hải còn nợ bà Ng Chữ số tiền là 32.000.000đồng” trong mảnh giấy nhỏ mà chị được xem thì chị không biết chữ viết của ai, khi lập văn bản giấy tờ chị không có mặt, không nhận số tiền, không sử dụng số tiền nào từ bà Ng, Trữ vào việc phục vụ nhu cầu thiết yếu cầu gia đình chị. Tại quyết định thuận tình ly hôn số 86/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã giải quyết cho chị và anh Giáp Văn Hai ly hôn. Nay bà Ng có đơn khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền 32.000.000 đồng, chị xác định nếu anh H có vay bà Ng thì một mình anh H phải có trách nhiệm trả chứ chị không vay tiền nên chị không có trách nhiệm trả.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ông Lưu Tú Tr trình bày:*

Ông là chồng Bà Tạ Thị Ng, vào ngày 23/3/2016 bà Ng có cho ANh Giáp Văn H vay số tiền 32.000.000 đồng, đây là tài sản riêng của bà Ng nên do bà Ng quyết định việc đòi nợ, ông không có ý kiến gì.

*- Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến:*

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Buộc anh H trả bà Ng số tiền 32.000.000 đồng. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ng khởi kiện anh H có nơi cư trú tại thôn Bùi, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu trả số tiền đã cho vay. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với chị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn:

- Về tiền gốc: Căn cứ các tài liệu chứng cứ phù hợp với nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 23/3/2016 được lập giữa Bà Tạ Thị Ng và ANh Giáp Văn H. HĐXX nhận định, ngày 23/3/2016, ANh Giáp Văn H vay của Bà Tạ Thị Ng số tiền 32.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền viết tại mảnh giấy nhỏ trong quyển sổ nhỏ, đề ngày 23/3/2016 có phần nội dung “cháu Hải còn nợ bà Ng Chữ số tiền là 32.000.000 đồng” do chính tay anh H là người viết, tại nhà anh H, mục đích vay là để làm ăn kinh tế, các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 0,8%/tháng nhưng không ghi vào trong giấy vay, không ghi kỳ hạn trả. Các bên lập giấy vay tiền do ANh Giáp Văn H viết, bà Ng là người đưa tiền cho anh H nhận tại nhà anh H. Sau khi vay đến ngày 24/12/2016 anh H có trả cho bà Ng số tiền 2.340.000 đồng vào tiền lãi được ghi tại mặt sau của cùng 01 mảnh giấy vay tiền. Từ sau đó anh H chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà Ng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh H phải trả số tiền gốc 32.000.000 đồng là có căn cứ.

- Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện Bà Tạ Thị Ng có yêu cầu ANh Giáp Văn H và Chị Vũ Thị Đ trả số tiền gốc là 32.000.000 đồng và tiền lãi suất, nhưng tại bản tự khai ngày 29/01/2021 và biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021 bà Ng tự nguyện xin rút yêu cầu về tiền lãi suất và bà chỉ yêu ANh Giáp Văn H trả số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét về số tiền lãi suất.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sự thừa nhận của vợ chồng bà Ng, ông Tr thì số tiền 32.000.000 đồng là tiền tài sản riêng của bà Ng cho ANh Giáp Văn H vay tiền. Tại đơn khởi kiện này 05/01/2021 Bà Tạ Thị Ng có yêu cầu ANh Giáp Văn H và Chị Vũ Thị Đ trả số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng và tiền lãi suất, nhưng tại bản tự khai ngày 29/01/2021 và biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021 bà Ng tự nguyện xin rút yêu cầu về tiền lãi suất và chỉ yêu cầu một mình ANh Giáp Văn H trả số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng, không yêu cầu Chị Vũ Thị Đ. HĐXX thấy việc rút yêu cầu về trách nhiệm nghĩa vụ liên đới đối với chị Đ trong vụ án là tự nguyện. Nay, bà Ng chỉ yêu cầu anh H phải trả nợ, anh H thừa nhận có vay của bà Ng số tiền 32.000.000 đồng, anh xác định trách nhiệm trả nợ là một mình anh nên HĐXX buộc ANh Giáp Văn H phải trả cho bà Ng số tiền 32.000.000 đồng, không có ai có trách nhiệm liên đới với anh H.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà Ng được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Tạ Thị Ng đối với ANh Giáp Văn H.

Buộc ANh Giáp Văn H phải trả cho Bà Tạ Thị Ng số tiền 32.000.000 đồng.(Ba mươi hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: ANh Giáp Văn H phải chịu 1.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Duyên**